

Phần thứ hai. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

Mục này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1. Giới thiệu chung về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo hệ thống công nghệ pha chế xăng E10 để đảm bảo sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Tổng kho.
- Chủ đầu tư: Công ty CP dầu khí Mê Kông
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh/vốn khác
- Quyết định đầu tư: Công ty CP dầu khí Mê Kông
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Công ty CP dầu khí Mê Kông

b) Địa điểm:

- Vị trí: Phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có;
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông...

c) Quy mô:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp xăng dầu cấp 2.

Quy mô: Nâng cấp, cải tạo hệ thống công nghệ pha chế xăng E10 để đảm bảo sản xuất kinh doanh tại XNTK xăng dầu Mê Kông với quy mô như sau:

c1. Quy mô sức chứa cơ cấu bồn chứa hiện hữu:

XNTK xăng dầu Mê Kông có tổng cộng 13 bồn chứa, với tổng sức chứa 72.200 m³, bao gồm:

Stt	Tên bồn	Sức chứa (m ³)	Mặt hàng đang chứa
01	B1	5.000	DO 0,05S-II
02	B3	5.000	DO 0,05S-II
03	B9	12.000	DO 0,05S-II
04	B4	5.000	DO 0,05S-II
05	B7	5.000	Xăng E5 RON92

Stt	Tên bồn	Sức chứa (m3)	Mặt hàng đang chứa
06	B8	5.000	Xăng RON95
07	B2	5.000	Xăng RON95-III
08	B11	12.000	Xăng RON95
09	B5	3.000	DO 0,001S-V
10	B2.1+B2.2	100	Ethanol
11	B2.3	100	Ethanol
12	B6	3.000	Condensate
13	B10	12.000	Trống

c2. Chuyển đổi cơ cấu bồn chứa, cải tạo hệ thống công nghệ:

- Theo lộ trình dự kiến của nhà nước, từ ngày 01/01/2026 sẽ chuyển sang kinh doanh xăng E10 để thay thế hoàn toàn cho xăng khoáng hiện nay.
- Phương án thực hiện là cơ cấu lại bồn chứa, chuyển đổi bổ sung hệ thống ống công nghệ và một số công việc công việc liên quan khác, cụ thể như sau:

➤ **Về cơ cấu bồn bể:**

Stt	Tên bồn	Sức chứa (m3)	Mặt hàng đang chứa	Cơ cấu lại bồn chứa
01	B1	5.000	DO 0,05S-II	DO 0,05S-II/Xăng E10 RON92/ Xăng E10 RON95
02	B3	5.000	DO 0,05S-II	
03	B9	12.000	DO 0,05S-II	DO 0,05S-II
04	B4	5.000	DO 0,05S-II	DO 0,001S-V
05	B7	5.000	Xăng E5 RON92	Xăng E10 RON92
06	B8	5.000	Xăng RON95	Xăng E10 RON95
07	B2	5.000	Xăng RON95-III	Nguyên liệu pha chế E10 RON92
08	B11	12.000	Xăng RON95	Nguyên liệu pha chế E10 RON95
09	B5	3.000	DO 0,001S-V	Ethanol
10	B2.1+B2.2	100	Ethanol	Ethanol/phụ gia
11	B2.3	100	Ethanol	Ethanol/phụ gia
12	B6	3.000	Condensate	Condensate
13	B10	12.000	Trống	Dự phòng

➤ **Chuyển đổi, cải tạo hệ thống công nghệ:**

- Đối với bồn B5: (i) Hoán cải bồn B5 (Chứa dầu DO 0,001%S-V) sang chứa Ethanol (E100); (ii) Thi công mới tuyến ống nhập Ethanol 8 inch từ vị trí

đầu cầu dẫn 3000 DWT về bồn B5. (iii) Thi công mới tuyến ống xuất 6 inch từ bồn B5 về trạm bơm.

- Đối với bồn B2: (i) Nâng cấp, thi công tuyến ống xuất bồn B2 về trạm bơm từ 6 inch lên 10 inch để đảm bảo lưu lượng xuất hàng; (ii) Lắp bổ sung thiết bị và cải tạo ống xuất nhập đầu bồn B2.

- Thi công mới tuyến ống xuất xăng từ trạm bơm ra bãi van để phục vụ xuất xăng E10 Ron 95 đường thủy trong quá trình pha chế; Lắp bổ sung thiết bị từ trạm bơm ra bãi van.

- Cải tạo công nghệ xuất nhập, lắp bổ sung thiết bị tại bơm TK 16 và TK 17.

- Các hạng mục khác có liên quan.

➤ **Lựa chọn công nghệ, vật tư và thiết bị lắp đặt:**

- Các loại vật tư ống, co, tê... là loại thép đúc theo chuẩn SCH 40.

- Các loại van chặn là loại chuyển dùng cho xăng dầu/hóa chất (Theo vị trí lắp đặt), được thiết kế theo tiêu chuẩn API 600, mặt bích theo tiêu chuẩn ANSI 150RF.

- Lưu lượng kế sử dụng là loại chuyên dụng cho Ethanol/hóa chất.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu;

- Gói thầu: Thi công nâng cấp, cải tạo hệ thống công nghệ pha chế xăng E10 để đảm bảo sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Tổng kho

- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh/vốn khác;

- Tên cơ quan thực hiện dự án: Công ty CP Dầu khí Mê Kông;

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025;

b) Thời hạn hoàn thành: 60 ngày ;

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án

Phần này cung cấp cho nhà thầu tiến độ chung của dự án với các nội dung chi tiết đã được duyệt trong thiết kế mới nhất, bao gồm biểu đồ ngang về tiến độ các hợp phần của dự án có liên quan đến gói thầu.

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc tiến độ

Phần này cung cấp yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu PC này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Các mốc tiến độ quan trọng yêu cầu kê trong bảng sau:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1			
2			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật

Chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt hàng hóa; yêu cầu về cung cấp các dịch vụ kèm theo;

Tất cả chủng loại vật tư, vật liệu của công trình theo yêu cầu của E-HSMT và bản vẽ thiết kế, khuyến khích nhà thầu sử dụng các vật liệu được đánh giá là tốt hơn yêu cầu để đưa vào công trường. Các loại vật liệu phải có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Vật tư thiết bị trước khi nhập vào công trình phải được sự đồng ý của Tư vấn giám sát và phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản.

Đối với thiết bị vật tư nhập khẩu nhà thầu phải trình các tài liệu C/O, C/Q cho Chủ đầu tư, trong một số trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Tư vấn giám sát thì thiết bị, vật tư nhập khẩu phải được kiểm định chứng nhận của cơ quan độc lập.

Nguồn cung cấp vật tư cho công trình Nhà thầu có thể dùng từ nhiều nguồn nếu thấy nguồn cung cấp có lợi và phải đảm bảo theo tiêu chuẩn của thiết kế và E-HSMT.

Vật liệu khác: phải đảm bảo đúng kích thước, chủng loại theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và theo tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam phải phù hợp và đồng bộ với các vật liệu chính. Đồng thời nhà thầu không được chào thầu quá 02 thương hiệu cho mỗi loại vật tư chứng minh sử dụng vật liệu tốt nhất của nhà thầu.

Nhà thầu phải nộp kèm theo HSDT bản chủng loại vật tư dự kiến sử dụng cho công trình (có ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ, đơn vị cung cấp, tiêu chuẩn kỹ thuật) đồng thời kèm theo hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư, thiết bị.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT THIẾT BỊ LỰA CHỌN CHO DỰ ÁN

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Van chặn 3"/4"/6"/8"/10"	Van chặn thép WCB Class 150 Áp lực làm việc: 150 PSI (10~16 bar) Kết nối: Mặt bích ANSI B16.5 Thân: Thép đúc WCB Ty: Inox 304 Gioăng: Graphite + Inox Nhiệt độ làm việc: 0°C đến 200°C Tiêu chuẩn kiểm tra: API 598 Ứng dụng: dùng cho xăng dầu/hóa chất Xuất xứ: G20
2	Van 1 chiều 3"/4"	Van 1 chiều thép WCB Class 150 Kết nối: Mặt bích ANSI 150# RF Vật liệu thân: Thép WCB Vật liệu đĩa: Inox 304 Gioăng làm kín: Graphite Áp suất làm việc: 19 bar Nhiệt độ làm việc: -29°C đến 200°C Tiêu chuẩn thiết kế: API 6D, ASME B16.34 Ứng dụng: dùng cho xăng dầu/hóa chất Xuất xứ: G20
3	Van đóng nhanh 4"	Van đóng nhanh thép WCB Class 150 Kết nối: Mặt bích ANSI 150# RF Thân van: Thép WCB Đĩa/Bi: Inox 304/316 Gioăng: PTFE hoặc Graphite Áp suất làm việc: ~19 bar Nhiệt độ làm việc: -20°C đến 200°C Ứng dụng: Ngắt dòng xăng/dầu/hóa chất khẩn cấp Tiêu chuẩn: API 6D, ASME B16.34, API 607 (fire-safe) Xuất xứ: G20
4	Van hồi lưu 2"x3"	Van hồi lưu thép WCB Class 150 Vật liệu thân: Thép WCB Đĩa van: Inox 304/316 Gioăng: PTFE hoặc Graphite Kết nối: Mặt bích ANSI 150 RF Áp suất làm việc: ~19 bar Nhiệt độ: -20°C đến 200°C Tiêu chuẩn: API 6D, API 598 Ứng dụng: dùng cho xăng dầu/hóa chất Xuất xứ: G20
5	Ống giảm rung 3"/4"/10"	Ống giảm rung (Ống + lưới) inox 304 1 đầu cố định , 1 đầu xoay Mặt bích Ansi150 + 1 lapjoint sắt , Phủ bi Áp làm việc: 10bar

6	Lưu lượng kế 4" hiện thị cơ khí + Bình lọc tách khí dung cho Ethanol	Loại thiết bị: Đồng hồ đo lưu lượng chất lỏng hiển thị cơ khí (Positive Displacement Meter). Kích cỡ: 4" Vật liệu bạc đạn: carbon Mặt bích kết nối: 4" NPT Độ lặp lại: đến 0,02%. Độ tuyến tính: Dải 5:1 → ±0,125% Dải 10:1 → ±0,22% Dải 40:1 → ±0,5% Lưu lượng tối đa: 350 GPM (1325 L/min). Áp suất làm việc: tối đa 150 PSI (10,5 bar). Dải nhiệt độ: -40°C đến +71°C. Vật liệu chế tạo: Thân và rô-to: gang hoặc nhôm. Linh kiện bên trong: nhôm, thép không gỉ, Ni-Resist. Vật liệu làm kín: Buna-N, Viton®, Teflon®. Tiêu chuẩn: Đạt chuẩn đo lường NIST. Xuất xứ: G7
7	Ống 2"/3"/4"/6"/8"/10"	Ống thép đúc Độ dày theo tiêu chuẩn SCH40, STD Vật liệu: thép carbon Xuất xứ: G20
8	Co, tê, bầu giảm 2"/3"/4"/6"/8"/10"	Độ dày theo tiêu chuẩn SCH40, STD Vật liệu: thép carbon Xuất xứ: G20
9	Mặt bích 2"/3"/4"/6"/8"/10"	Độ dày theo tiêu chuẩn ANSI class 150 Vật liệu: thép carbon
10	Bình lọc thô	Bình lọc thô size 4" Vật liệu vỏ thép carbon, lưới lọc inox Mặt bích kết nối ANSI#150RF Áp suất max: 16kg/cm ² Môi trường làm việc: xăng dầu

2. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng trình tự các yêu cầu kỹ thuật đã được nêu trong các bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt và theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành.

Các yêu cầu về vật tư, về kỹ thuật, thiết bị không thể hiện trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt thì thực hiện theo các tiêu chuẩn hiện hành và theo chỉ định của tư vấn thiết kế.

Nhà thầu phải tuân thủ theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các quy định khác theo quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành.

Các chỉ dẫn, trình tự thủ tục thi công và nghiệm thu đều phải tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

a/ Tiếp nhận mặt bằng công trình:

Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, Nhà thầu liên hệ với Chủ đầu tư để tiếp nhận mặt bằng công trình thi công để thực hiện. Chủ đầu tư sẽ bàn giao hiện trạng thực tế của công trình và tổ chức cuộc họp để nhà thầu lên kế hoạch triển khai thi công và bàn bạc phương án mặt bằng thi công, đường vận chuyển vật tư, thiết bị... Khi tiếp nhận mặt bằng có biên bản bàn giao được ký giữa các bên có liên quan.

Nhà thầu liên hệ với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để xin phép sử dụng đường và các phương tiện vận chuyển trong quá trình thi công, phối hợp công tác giữ gìn an ninh trật tự trong khu vực thi công.

b/ Biển báo thi công: Phải có bảng hiệu công trình có ghi thông tin cụ thể của gói thầu và thành phần thực hiện, nội dung bảng hiệu phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư và tuân theo quy định của pháp luật.

c/ Các công trình tạm: Phải có Nhà Ban chỉ huy công trình và phục vụ y tế, phải có nhà vệ sinh hiện trường, nhà kho để chứa vật tư, thiết bị trong quá trình thi công, phải có lán trại công trình....

d/ Cấp điện, cấp nước thi công: Nhà thầu phải liên hệ với các bên có liên quan để sử dụng nguồn điện, nước phục vụ thi công và Nhà thầu phải trả các chi phí này trong suốt quá trình thi công gói thầu. Trường hợp công trình không có nguồn điện thì nhà thầu phải dùng máy phát điện để đảm bảo việc thi công được liên tục. Tại khu vực thi công có bộ trí thiết bị chống giật và hệ thống dây điện được treo trên cao, phải có hệ thống tiếp đất an toàn theo đúng qui định.

e/ Đường thi công: Nhà thầu phải có biện pháp làm đường tạm để phục vụ thi công nếu cần thiết hoặc sử dụng đường hiện trạng sẵn có thì sau khi thi công hoàn thành phải hoàn trả lại đúng hiện trạng ban đầu.

f/ Thông tin liên lạc: Nhà thầu phải lắp đặt hệ thống thông tin liên lạc, máy điện thoại tạm thời tại công trình để đảm bảo liên lạc với các bên liên quan liên tục 24/24 giờ.

g/ Các yêu cầu trong thi công xây dựng:

- Thi công, lắp đặt các sản phẩm cụ thể được quy định trong các mục riêng. Phải tuân thủ đúng hướng dẫn kỹ thuật và các khuyến nghị để tránh lãng phí do cần phải thay thế.

- Kiểm tra các bộ phận lắp đặt theo phương đứng và cao độ các bộ phận

được lắp đặt theo phương ngang, trừ khi có các quy định khác.

- Thực hiện các giải pháp cấu tạo phù hợp trên bề mặt tại các điểm chuyển tiếp đảm bảo sự làm việc liên tục của kết cấu và hình dạng kiến trúc, trừ khi có các quy định khác.

- Khi cần tổ chức cuộc họp để giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công thì phải thông báo cho các bên liên quan bằng văn bản hoặc điện thoại để chuẩn bị hoặc tham gia cuộc họp trước ít nhất là bốn ngày kể từ ngày họp.

- Các biên bản cuộc họp phải được các bên tham dự ký tên xác nhận và gửi các bản sao đến các bên liên quan trong vòng hai ngày sau cuộc họp.

- Phải có hàng rào công trường, lưới an toàn, chống bụi trên cao, các phương tiện cảnh báo (biển, đèn tín hiệu) ở những vị trí có thể gây nguy hiểm cho người hoặc phương tiện qua lại.

- Phải quét sạch các khu vực, gom dọn các bề mặt tạo cảnh quang; chuyển chất thải, vật liệu thừa, rác và các thiết bị xây dựng ra khỏi công trường; vớt bỏ theo cách thức được quy định, không đốt hoặc chôn; Dọn sạch các mảnh vỡ trong quá trình thi công.

h/ Các biện pháp khác:

- Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công đúng với mặt bằng thực tế công trình.

- Phải có biện pháp và sơ đồ bố trí bộ máy chỉ huy công trường.

- Phải có biện pháp và sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự, vật tư, thiết bị trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người.

- Phải có biện pháp quản lý chất lượng thi công và được Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát chấp nhận.

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

5. Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

Quá trình lắp đặt Nhà thầu phải tự kiểm tra từng giai đoạn trước khi hoàn chỉnh mỗi công đoạn đều phải được nhà thầu tự thử nghiệm đạt yêu cầu mới đề nghị TVGS và Chủ đầu tư nghiệm thu.

Sau khi hoàn chỉnh quá trình lắp đặt, nhà thầu phải kiểm tra toàn bộ các thông số theo yêu cầu kỹ thuật, kiểm tra vận hành thử nghiệm đạt yêu cầu, khi đó, mới mời TVGS, Chủ đầu tư nghiệm thu theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

Để đề phòng và xử lý cháy nổ, trên công trường phải có đặt một số bình cứu hỏa tại một số điểm cần thiết để xảy ra tai nạn, phải có bố trí một số két chứa nước và lượng nước phải đảm bảo luôn đầy để đề phòng khi sự cố xảy ra. Hàng ngày phải có cán bộ kiểm tra thường xuyên việc phòng cháy.

Phải tập huấn và phổ biến kiến thức về PCCC cho các công nhân thi công theo đúng quy định.

7. Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Công tác dọn dẹp vệ sinh công trường do nhà thầu chịu mọi chi phí, Nhà thầu có trách nhiệm giữ gìn công trường sạch sẽ, gọn gàng, nhà thầu phải thu gom, vận chuyển và tiêu hủy gạch vụn, rác....

8. Các yêu cầu về an toàn lao động;

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư một bảng kê khai chi tiết về nhân sự, số liệu các loại lao động, tài liệu về các trang thiết bị xây dựng trên công trường.

Nhà thầu chịu trách nhiệm về điều kiện lao động và an toàn cho công nhân và nhân sự để thực hiện gói thầu của đơn vị mình.

Trong bảng chào giá mà nhà thầu lập, phải bao gồm cả khoản chi phí phát sinh từ việc áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với an toàn về vận chuyển tại công trường, có nghĩa vụ bố trí các bảng hiệu khuyến cáo, khu vực cấm và các định hướng cần thiết cho việc thuận tiện giao thông, an toàn nhất có thể tại công trường.

Phải tập huấn và phổ biến kiến thức về an toàn lao động cho các công nhân thi công theo đúng quy định.

Tại vị trí nguy hiểm nhà thầu phải bố trí các biển báo, cấm còi, rào chắn, ban đêm có đèn.

Tất cả nguyên vật liệu, trang thiết bị xây dựng và lao động do nhà thầu tự trang bị, phải đúng và đủ như nhà thầu thông nhất với Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có quyền tiến hành kiểm tra toàn bộ hoặc một số khâu quan trọng trước và trong khi nhà thầu triển khai thi công.

Chủ đầu tư có quyền kiểm tra về tổ chức về bằng cấp và kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt trực tiếp điều hành tại công trường có phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu và hồ sơ trúng thầu và kiểm tra chất lượng của nhà thầu toàn bộ vật tư, nhiên liệu, thiết bị, xe máy thi công theo chất lượng, chủng loại ghi trong hồ sơ mời thầu và hồ sơ trúng thầu. Nếu công việc nào không đạt yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu khắc phục, kể cả việc thay đổi nhân sự.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

Có bố trí nhân lực và thiết bị thi công để phục vụ gói thầu. Nhân lực được bố trí phải đáp ứng theo quy định tại Chương III trong E-HSMT.

Có danh sách thiết bị thi công sẵn có, khả năng huy động thiết bị thi công để thực hiện gói thầu. Tối thiểu phải có máy móc và các thiết bị thi công đáp ứng theo yêu cầu về thiết bị thi công tại Chương III trong E-HSMT.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

Theo thuyết minh biện pháp thi công mà nhà thầu đề xuất để đánh giá ở Mục 3 Chương III trong E-HSMT.

Trước khi thi công, nhà thầu phải đệ trình tiến độ và biện pháp thi công chi tiết và được Chủ đầu tư chấp thuận kể cả biện pháp bảo đảm chất lượng công trình, bảo đảm an toàn lao động và bảo vệ sinh môi trường.

Trong quá trình thi công nếu Chủ đầu tư phát hiện có vấn đề gì không phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã được chấp thuận thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu phải đưa ra biện pháp khắc phục, nếu nghiêm trọng thì ngưng thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bảo đảm an toàn lao động, trật tự, an ninh và bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh công nghiệp và mỹ quan công trình trong suốt quá trình thi công.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

a. Kiểm tra vật tư, vật liệu và thiết bị:

Trong vòng 01 tuần, nhà thầu phải trình nộp cho Chủ đầu tư các biên bản, chứng chỉ của tất cả các thử nghiệm đã được tiến hành đối với các vật tư, thiết bị của gói thầu. Thông tin đầy đủ bao gồm mã số, nhãn hiệu, chi tiết xác nhận... của các vật tư, thiết bị mà các chứng chỉ, văn bản đề cập tới cũng phải được cung cấp.

Việc chấp nhận kết quả kiểm tra, giám sát do Chủ đầu tư đưa ra về cung cấp vật tư, thiết bị trong Hợp đồng không có nghĩa là sẽ giải phóng Nhà thầu khỏi những ràng buộc sau khi cung cấp.

b. Kiểm tra chất lượng thi công xây dựng:

Quản lý chất lượng công trình được thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật về chất lượng thi công xây dựng công trình kể cả công việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo quy định của hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

Phải tổ chức hệ thống quản lý chất lượng công trình để quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình thi công.

c. Khắc phục các vi phạm về chất lượng:

Nếu Chủ đầu tư/Ban quản lý (nếu có) hoặc Kỹ sư giám sát phát hiện chất lượng vật liệu hoặc khi thi công không đảm bảo yêu cầu thì nhà thầu phải có biện pháp sửa chữa triệt để và kịp thời thống nhất với Chủ đầu tư cách giải quyết. Lập biên bản đầy đủ về biện pháp sửa chữa về chất lượng và khối lượng công việc đã làm.

Nếu xảy ra sự cố chất lượng thì Nhà thầu phải giữ nguyên hiện trạng và kịp thời báo cáo cho Chủ đầu tư cùng phối hợp giải quyết, phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ hoàn công.

d. Ghi chép trong quá trình thi công:

Nhà thầu phải có 01 quyển Nhật ký công trình, thường xuyên phải có ở công trường để ghi chép thường xuyên, liên tục hàng ngày, kê cả những ngày nghỉ không thi công.

Sổ nhật ký công trình do nhà thầu phát hành có đóng dấu giáp lai từng trang, nhà thầu có trách nhiệm ghi chép đầy đủ theo quy định hiện hành, nhà thầu có trách nhiệm xuất trình khi Chủ đầu tư hoặc cấp trên có yêu cầu kiểm tra. Sổ nhật ký công trình được nộp kèm theo hồ sơ hoàn công và được coi là một chứng từ trong nghiệm thu tổng thể và hồ sơ quyết toán công trình.

e. Chi phí cho thí nghiệm:

- Các thí nghiệm do Nhà thầu thực hiện: Nhà thầu phải có trách nhiệm phải thực hiện các thí nghiệm phục vụ cho các hoạt động kiểm tra nghiệm thu theo số lượng trong quy định nghiệm thu, mọi chi phí do nhà thầu chịu, chi phí này được hiểu là đã tính trong giá dự thầu.

- Thí nghiệm theo yêu cầu của Chủ đầu tư: Chi phí các thí nghiệm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Ban quản lý, Tổ chức giám định để kiểm tra xác suất, kiểm tra đối chứng các loại vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm đưa vào công trình do Nhà thầu chi trả.

f. Yêu cầu về quy trình quản lý chất lượng của nhà thầu:

Nhà thầu thi công công trình xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng công trình của nhà thầu.

Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan,

Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc mua sắm, chế tạo, sản xuất vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định của hợp đồng xây dựng.

Thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi xây dựng công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng.

Thi công công trình theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng xây dựng và điều kiện hiện trường trong quá trình thi công. Tự kiểm soát chất lượng thi công theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc xây dựng phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.

Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công công trình đối với công việc xây dựng do nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là nhà thầu chính hoặc tổng thầu.

Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công (nếu có).

Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.

Lập nhật ký thi công công trình theo quy định. Lập bản vẽ hoàn công theo quy định.

Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của hợp đồng xây dựng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư.

Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

Trong quá trình thực hiện phải trình chủ đầu tư xem xét và chấp thuận các nội dung sau:

- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm và kiểm định chất lượng, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;
- Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp, bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;

- Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

- Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng.

12. Các yêu cầu khác tùy theo đặc thù của gói thầu như: yêu cầu tương thích với hệ thống thiết bị/công trình hiện có, yêu cầu về sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đặc thù...

- Không yêu cầu.

13. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);

Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSĐT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

14. Đấu thầu bền vững: Không yêu cầu.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
I	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẮP (C)		
1	Bảo hành đối với các hạng mục công trình phần xây lắp	12 tháng	
II	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA (P)		
1	Bảo hành đối với các hạng mục phần hàng hóa	Theo nhà cung cấp, tối thiểu 12 tháng	

E-HSĐT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSĐT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

Phương án thay thế: E-HSMT có thể quy định theo phương án nêu giá trị thông số bảo hành điển hình theo thiết kế và cho phép nhà thầu chào các thông số

bảo hành dao động xung quanh giá trị này nhưng không vượt quá mức tối thiểu, mức tối đa nào đó (*Ví dụ 5%*).

IV . Các bản vẽ

Mục này liệt kê các bản vẽ kèm theo E-HSMT^(*)

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
3			
...			

Ghi chú:

(*): Chủ đầu tư căn cứ vào tình trạng thiết kế đã có sẵn được duyệt (nếu có) để cung cấp với tiêu chí:

- Đảm bảo tính pháp lý và bảo mật cần thiết;
- Cung cấp tối đa thông tin của dự án để nhà thầu hiểu biết tốt nhất trong chuẩn bị E-HSDT.